

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 17/01/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Untere W, Cộng hòa liên bang Đức

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Liễu là: Ông Đỗ Văn X, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ngõ 19 H, phường L, quận Đ, Hà Nội.

-Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện đang ở tại Cộng hòa liên bang Đức)

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Bị đơn anh Đỗ Văn Q là: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1951; Địa chỉ: Xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 07/1/2019, các văn bản kèm theo đơn khởi kiện (Đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức), nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn Q kết hôn ngày 9/9/2011. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Do chị sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức, còn anh Q sinh sống ở Việt Nam nên chị và anh tìm hiểu nhau qua điện thoại. Sau đó chị bay về Việt Nam để kết hôn với anh Q. Chị và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì chị tiếp tục sang Đức sinh sống và làm việc còn anh Q vẫn ở Việt Nam. Khoảng 2 năm sau khi kết hôn thì anh Q sang Đức để sinh sống với chị. Ban đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh Q không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, không hiểu và thông cảm cho nhau. Anh Q đã ra ở riêng từ ngày 30/11/2018 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn Quý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc Cộng hòa liên bang Đức, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Q được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Q. Chị cũng ủy quyền cho ông Đỗ Văn X, sinh năm 1949, trú tại: Ngõ 19 H, phường L, quận Đ, Hà Nội nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

Người đại diện ủy quyền nhận các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị L là ông Đỗ Văn X, sinh năm 1949, trú tại: Ngõ 19 H, phường L, quận Đ, Hà Nội trình bày:

Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị Nguyễn Thị L và cam đoan sẽ thông báo lại cho chị L biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Q.

Tại bản tự khai và các văn bản trình bày tiếp theo (Đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức), Bị đơn anh Đỗ Văn Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 09/9/2011. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vì chị L sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức, còn anh sinh sống ở Việt Nam nên anh chị tìm hiểu nhau qua điện thoại. Sau đó chị L bay về Việt Nam để kết hôn với anh. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì chị L tiếp tục sang Đức sinh sống và làm việc còn anh vẫn ở Việt Nam. Khoảng 2 năm sau khi kết hôn thì anh sang

Đức đề sinh sống với chị L. Ban đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh chị không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, không hiểu và thông cảm cho nhau. Anh đã ra ở riêng từ ngày 30/11/2018 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc Cộng hòa liên bang Đức, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị L và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị L và anh. Anh ủy quyền cho bà Trần Thị Q, sinh năm 1951, trú tại: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh biết.

Người đại diện ủy quyền nhận các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn Quý là bà Trần Thị Q, sinh năm 1951, trú tại: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày:

Bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Đỗ Văn Q và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh Q biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị L, bản tự khai của anh Q, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh Q.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Đỗ Văn Q, anh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang, hiện nay anh Q đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Q kết hôn ngày 09/9/2011, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh Q không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hiểu và thông cảm cho nhau. Anh Q đã ra ở riêng từ ngày 30/11/2018 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Đến Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh Q, anh Q cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Q được ly hôn.

[4].Về con chung: Chị L anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Chị L anh Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Q.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2018/0000151 ngày 15/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Đỗ Văn Q hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

